

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMТ-UBND ngày /6/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ công đoạn giặt, vắt.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ bể xử lý khí thải của 02 lò hơi.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh hệ thống lọc của trạm khai thác nước ngầm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Rộc phía Đông Bắc cơ sở.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý được xả qua 01 cửa xả phía Đông Bắc cơ sở vào Sông Rộc, xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2233717$; $Y(m) = 0585963$ (Hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$; múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $350 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ và nước thải sản xuất được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất $400 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, xử lý đạt quy chuẩn cho phép và đầu nối vào 01 hố ga chung trước khi xả ra sông Rộc phía Đông Bắc cơ sở theo phương pháp tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải

Gián đoạn trong ngày và không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải được tính theo công thức $C_{\max} = C \times K_q \times K_f$ (Áp dụng hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$; đối với các thông số: pH, coliform, độ màu, nhiệt độ thì $C_{\max} = C$), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Tần suất quan trắc định kỳ	Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)	
				Giá trị C	Giá trị C _{max}
1	pH	-	03 tháng/lần (04 lần/năm) theo đề xuất và cam kết của chủ cơ sở	5,5 - 9	5,5 - 9
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l		100	99
3	COD	mg/l		150	148,5
4	BOD ₅	mg/l		50	49,5
5	Amoni (tính theo N)	mg/l		10	9,9
6	Clo dư	mg/l		2,0	1,98
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l		6,0	5,94
8	Tổng nito	mg/l		40	39,6
9	Sunfua	mg/l		0,5	0,495
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l		10	9,9
11	Coliform	VK/100ml		5.000	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01, nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ các khu vực nhà vệ sinh (sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại) và nước thải khu vực nhà ăn (sau xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ) theo đường ống D400, D500 được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất thiết kế 100 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 03, nguồn số 04, nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ khu vực xưởng giặt, nước thải phát sinh từ bể xử lý khí thải 02 lò hơi và nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh hệ thống lọc của trạm khai thác nước ngầm được thu gom bằng đường ống D400, D500 dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất tập trung công suất thiết kế 400 m³/ngày.đêm.

- Nước thải sau xử lý tại 02 hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) được thoát vào 1 hố ga chung sau đó theo đường ống HDPE D300 chảy ra sông Rộc phía Đông Bắc cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ

- Hệ thống bể tự hoại 03 ngăn: Công ty đầu tư xây dựng 10 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh bao gồm: Khu vực xưởng may, xưởng giặt, xưởng cắt, xưởng hoàn thiện, nhà điều hành, nhà chuyên gia: 20 m³/bể/khu vực.

- Bể tách dầu mỡ thể tích 02 m³.

b) Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Chủ cơ sở đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất thiết kế 100 m³/ngày.đêm và hệ thống xử lý nước thải sản xuất tập trung công suất thiết kế 400 m³/ngày.đêm thu gom, cụ thể như sau:

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế 100 m³/ngày.đêm: Nước thải → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể oxy hóa tiếp xúc sinh học 1 → Bể oxy hóa tiếp xúc sinh học 2 → Bể lắng → Hố ga chung (Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)) → Thoát ra sông Rộc phía Đông Bắc cơ sở.

+ Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất thiết kế 400 m³/ngày.đêm: Nước thải → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trong đó khoảng 18% nước thải xử lý (khoảng 60 m³) được đưa qua cụm bình lọc áp lực để tái sử dụng cho giặt sản phẩm tối màu, còn lại 82% nước thải sau xử lý (khoảng 263 m³) dẫn vào hố ga chung → Thoát ra sông Rộc phía Đông Bắc cơ sở.

(Chi tiết thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung được nêu trong báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở)

- Công suất thiết kế của 02 hệ thống xử lý nước thải

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế 100 m³/ngày.đêm.

+ Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất thiết kế 400 m³/ngày.đêm

- Hóa chất sử dụng

STT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Lượng sử dụng
1	Polimer	Kg/năm	650
2	PAC	Kg/năm	56.160
3	Clo	Kg/năm	24

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom nước thải; đầu tư trang thiết bị dự phòng như: máy bơm, máy sục khí, máy khuấy trộn,... ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Theo dõi hoạt động, có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, Công ty đóng van xả nước thải ra ngoài môi trường và tạm ngừng hệ thống xử lý, cử cán bộ kiểm tra, tìm nguyên nhân và khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải xử lý đạt quy chuẩn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) mới cho hệ thống xử lý hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Dự kiến từ tháng 10/2024 đến tháng 4/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải sản xuất tập trung công suất 400 m³/ngày.đêm.

(Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày.đêm: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày.đêm không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu tại bể điều hòa của hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày.đêm.

- 01 mẫu tại bể khử trùng của hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày.đêm, trước khi thải ra ngoài môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu quan trắc nước thải: Ít nhất 01 ngày/lần (01 mẫu đầu vào tại bể gom và ít nhất 03 mẫu đầu ra tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày.đêm trước khi chảy ra sông Rộc trong 03 ngày liên tiếp (theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hải Hậu trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm nước thải xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này trước khi thải ra sông Rộc phía Đông Bắc cơ sở. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép môi trường này phải thực hiện theo Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết. Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi thải ra môi trường khi cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra ảnh hưởng tới sông Rộc, Công ty phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hải Hậu để kịp thời xử lý./.